

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí

Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1982.

Thường trú: 418/8, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Thanh T, sinh năm 1945.

Thường trú: 259, đường Phan Đình Phùng, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: J9, khu liên kế B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2011.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm của hai vợ chồng không đồng nhất, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Bà T xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với ông Dương Văn Thanh T.

Về con chung: Có 01 con là cháu Dương Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27/6/2011. Khi ly hôn, bà T xin được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho ông Dương Văn Thanh T đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Văn Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con là cháu Dương Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27/6/2011. Khi ly hôn, giao cho bà T được nuôi con, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà T khai bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Dương Văn Thanh T về tài sản chung và nợ chung vợ chồng nên sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn Thanh T; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị Thùy T là nguyên đơn còn ông Dương Văn Thanh T là bị đơn trong vụ án.

- Theo bản sao y chứng thực sổ hộ khẩu xác định ông Dương Văn Thanh T có đăng ký thường trú tại địa chỉ 259, đường Phan Đình Phùng, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 22/5/2019, tại Công an phường B thì hiện nay ông T đang sinh sống thường xuyên tại địa chỉ J9, khu liên kế B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 07/8/2019, bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố B niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Dương Văn Thanh T để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2011. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm của hai vợ chồng không đồng nhất, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà T xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với ông Dương Văn Thanh T.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng theo Biên bản xác minh ngày 21/5/2019, của Ủy ban nhân dân

phường B thể hiện bà T và ông T không còn chung sống với nhau từ lâu. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông T để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông T là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan T, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau từ hơn 01 năm nay. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Văn Thanh T.

[3] Về con chung: Có 01 con là cháu Dương Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27/6/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu H đang ở với bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu H cũng có ý kiến xin được ở với mẹ theo ghi nhận tại Bản tự khai ngày 26/02/2019. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu H, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu H cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà T khai, bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Dương Văn Thanh T về tài sản chung và nợ chung vợ chồng nên sẽ được tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T, bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Dương Văn Thanh T.

Về con chung: Có 01 con là cháu Dương Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27/6/2011. Khi ly hôn, giao cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

H, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà T khai, bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Dương Văn Thanh T về tài sản chung và nợ chung vợ chồng nên sẽ được tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003970 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Dương Văn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường Q,
- thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương